

N, ngày 20 tháng 9 năm 2023

Số: 12/2023/QĐST- KDTM

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

- Căn cứ Điều 463, 465, 466 Bộ luật dân sự năm 2015
- Căn cứ Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi năm 2017.
- Căn cứ vào Điều 212; Điều 213, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.
- Căn cứ vào Biên bản hòa giải thành ngày 12 tháng 9 năm 2023 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 19/2023/TLST-KDTM ngày 24 tháng 4 năm 2023.

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện, nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV).
Địa chỉ: Tháp BIDV, số 194 T, phường L, quận H, thành phố Hà Nội.
Đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.
Đại diện theo ủy quyền: Bà Bàng Thị Bích P – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- Chi nhánh N.
Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Nguyễn Huy S, trưởng phòng KH3; bà Đặng Thị Ngọc Hoa, chức vụ Phó trưởng phòng KH3.
- **Bị đơn:** Công ty TNHH P.
Địa chỉ: Thôn Bích Sơn, xã Gia Vân, huyện Gia Viễn, tỉnh N.
Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn Toàn – Chức vụ: Giám đốc.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 *Về quan hệ tranh chấp*: Công ty TNHH P có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) tính đến ngày 12/9/2023 số tiền theo các hợp đồng tín dụng như sau:

Số Hợp đồng	Dư nợ gốc (VNĐ)	Tiền lãi trong hạn (VNĐ)	Tiền lãi quá hạn (VNĐ)	Cộng Dư nợ Gốc Lãi (VNĐ)
20198.09/18/4021731/HĐTD	3,800,000,000	1,356,255,576	691,620,822	5,847,876,398
20198.11/18/4021731/HĐTD	1,500,000,000	564,297,808	276,047,264	2,340,345,072
20198.12/18/4021731/HĐTD	1,500,000,000	566,617,808	275,843,840	2,342,461,648
20198.13/18/4021731/HĐTD	1,780,000,000	675,005,260	334,020,654	2,789,025,914
20198.14/18/4021731/HĐTD	1,760,000,000	667,420,932	330,021,701	2,757,442,633
20198.14/18/4021731/HĐTD	1,700,000,000	644,667,945	318,058,353	2,662,726,298
20198.14/18/4021731/HĐTD	1,500,000,000	568,824,658	276,867,123	2,345,691,781
20198.15/18/4021731/HĐTD	1,500,000,000	568,824,658	276,238,356	2,345,063,014
20198.17/18/4021731/HĐTD	2,500,000,000	948,041,096	460,397,259	3,908,438,355
20198.19/18/4021731/HĐTD	1,300,000,000	492,981,370	231,414,249	2,024,395,619
20198.19/18/4021731/HĐTD	1,300,000,000	492,981,370	231,232,605	2,024,213,975
20198.21/18/4021731/HĐTD	1,278,000,000	484,638,608	227,140,867	1,989,779,475
20198.22/18/4021731/HĐTD	1,200,000,000	455,059,726	212,774,792	1,867,834,518
20198.23/18/4021731/HĐTD	1,300,000,000	492,981,370	230,324,386	2,023,305,756
20198.24/18/4021731/HĐTD	1,320,000,000	500,565,698	233,683,393	2,054,249,091
Cộng	25,238,000,000	9,479,163,883	4,605,685,664	39,322,849,547

Tổng cộng số tiền phải trả tính đến ngày 12/9/2023 là **39.322.849.547 đồng** (ba mươi chín tỷ ba trăm hai mươi hai triệu tám trăm bốn mươi chín nghìn năm trăm bốn mươi bảy đồng) trong đó:

- + Số tiền gốc là 25.238.000.000đồng;
- + Tiền lãi trong hạn là 9.479.163.883 đồng ;
- + Tiền lãi quá hạn là 4.605.685.664 đồng;

Kể từ ngày 13/9/2023 Công ty TNHH P còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi, lãi phạt, phí phát sinh (nếu có) của số tiền chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể mà các bên đã ký kết cho đến khi thực hiện xong toàn bộ nghĩa vụ đối với BIDV.

Thời gian trả nợ gốc và lãi trước ngày 30/11/2023.

Trường hợp Công ty TNHH P không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo thỏa thuận trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý toàn bộ tài sản thế chấp của Công ty TNHH P theo Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số

20011/16/4021731/HĐBĐ ký ngày 01/02/2016 và các văn bản sửa đổi bổ sung của hợp đồng thế chấp này để thanh toán nợ cho Ngân hàng (Tài sản thế chấp là tài sản và công trình gắn liền với đất thuộc thửa đất số: 119 Tờ bản đồ số: 02. Địa chỉ thửa đất: Xã Khánh An, huyện Yên Khánh, tỉnh N trên diện tích đất: 58.926 m². Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BP 455836 do Ủy ban nhân dân tỉnh N cấp ngày 16/01/2016 mang tên Công ty TNHH Phú Thuận (nay là thửa đất số 137, tờ bản đồ số 04 bản đồ địa chính năm 2017 xã Khánh An, huyện Yên Khánh, tỉnh N).

Trường hợp số tiền sau khi xử lý toàn bộ tài sản thế chấp nêu trên không đủ để thanh toán cho toàn bộ khoản nợ thì Công ty TNHH P có nghĩa vụ tiếp tục trả số nợ còn lại cho BIDV cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

2.2 Về án phí dân sự sơ thẩm về kinh doanh thương mại:

- Ngân hàng BIDV không phải nộp án phí, được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp số tiền 72.800.000 đồng (*Bảy mươi hai triệu tám trăm nghìn đồng*).

- Công ty TNHH P phải nộp án phí là $50\% \times [112.000.000 \text{ đồng} + 0,1\% \times (39.322.849.547 \text{ đồng} - 4.000.000.000 \text{ đồng})] = 73.661.425 \text{ đồng}$ (*Bảy mươi ba triệu sáu trăm sáu mươi một triệu bốn trăm hai mươi lăm đồng*)

2.3 Về chi phí tố tụng:

Công ty TNHH P có trách nhiệm trả lại chi phí tố tụng về xem xét thẩm định tài sản tại chỗ số tiền 15.000.000 đồng (*Mười lăm triệu đồng*) cho Ngân hàng BIDV.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh NB (1).
- VKSND TP. N (3).
- CCTHADS TP. N (1).
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu vp.

Thẩm phán

(đã ký)

Nguyễn Thị Bích Thủy